

Số: 01 /TB-HĐ

TP. Sóc Trăng, ngày 13 tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, nội dung tài liệu ôn thi, phí tuyển dụng và thời gian thi

Căn cứ Thông báo số 211/TB-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc tuyển dụng công chức phường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi kỳ tuyển dụng công chức phường năm 2020;

Hội đồng tuyển dụng thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi, nội dung tài liệu ôn thi, phí tuyển dụng và thời gian thi, cụ thể như sau:

1. Kết quả xét duyệt Phiếu đăng ký dự tuyển tại kỳ tuyển dụng công chức phường năm 2020 như sau

- Tổng số thí sinh đăng ký dự tuyển: 57 thí sinh.
- Tổng số thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi: 57 thí sinh.

(Kèm theo danh sách)

2. Phân nhóm thí sinh đối với môn nghiệp vụ chuyên ngành tại kỳ tuyển dụng công chức phường thuộc thành phố Sóc Trăng năm 2020 theo 4 vị trí như sau:

Vị trí việc làm cần tuyển	Đơn vị cần tuyển
1. Văn phòng- Thống kê	1. Ủy ban nhân dân Phường 1 2. Ủy ban nhân dân Phường 2 3. Ủy ban nhân dân Phường 5 4. Ủy ban nhân dân Phường 6 5. Ủy ban nhân dân Phường 9
2. Địa chính- Xây dựng- Đô thị và Môi trường	1. Ủy ban nhân dân Phường 1 2. Ủy ban nhân dân Phường 4 3. Ủy ban nhân dân Phường 7 4. Ủy ban nhân dân Phường 8 5. Ủy ban nhân dân Phường 9 6. Ủy ban nhân dân Phường 10

3. Văn hóa-Xã hội	1. Ủy ban nhân dân Phường 2 2. Ủy ban nhân dân Phường 5 3. Ủy ban nhân dân Phường 8
4. Tư pháp-Hộ tịch	1. Ủy ban nhân dân Phường 4 2. Ủy ban nhân dân Phường 6

3. Tài liệu ôn thi, hình thức và thời gian thi

a) Danh mục tài liệu ôn thi được niêm yết tại cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng; thí sinh tự ôn tập đối với 2 vòng thi.

(Kèm theo phụ lục danh mục tài liệu ôn thi)

b) Hình thức thi tuyển

- Hình thức thi: Được thực hiện theo 2 vòng như sau:

* **Vòng 1:** Thi trắc nghiệm gồm 2 phần

+ Phần I: Kiến thức chung gồm 60 câu hỏi, thời gian thi 60 phút.

+ Phần II: Tin học gồm 30 câu hỏi, thời gian thi 30 phút.

Lưu ý: Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu hỏi trả lời đúng cho từng phần thi, nêu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì thí sinh được thi tiếp vòng 2.

* **Vòng 2:** Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng hình thức phỏng vấn. Hội đồng thi sẽ có Thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2 theo quy định, thời gian phỏng vấn là 30 phút.

c) Ngày thi tuyển: Ngày thi và địa điểm thi tuyển Hội đồng thi sẽ có Thông báo sau.

4. Đề nghị thí sinh đối chiếu lại các thông tin cá nhân trong danh sách kèm theo (Họ và tên, giới tính, năm sinh, dân tộc, nơi cư trú, vị trí việc làm đăng ký dự tuyển, đơn vị dự tuyển, ngạch dự tuyển, chuyên ngành, trình độ, được miễn thi, đối tượng ưu tiên...). Trường hợp có thay đổi hoặc thuộc trường hợp được miễn thi môn tin học thì thông tin đến Phòng Nội vụ (điện thoại 02993.600838 hoặc 0369.169.769) chậm nhất ngày **16/7/2021** để xem xét, điều chỉnh.

5. Phí tuyển dụng

Thí sinh nộp phí tuyển dụng là **500.000 đồng/thí sinh** và nhận trực tiếp phiếu dự thi tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng (số 93 Phú Lợi Phường 2 thành phố Sóc Trăng) từ ngày 19/7/2021 đến hết ngày 22/07/2021 (trong giờ hành chính), nếu thí sinh không đến nhận phiếu dự thi xem như không tham gia thi, mọi khiếu nại về sau Hội đồng tuyển dụng không xem xét, giải quyết.



Thông báo này được niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tại địa chỉ website: <https://ubndtp.soctrang.gov.vn>, mục Chỉ đạo điều hành/ Văn bản chỉ đạo điều hành và được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Hội đồng tuyển dụng yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng phối hợp niêm yết danh sách, thông báo kịp thời đến các thí sinh được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT Thành ủy; TT HĐND Tp;
- CT; PCT UBND Tp;
- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Đài Truyền thanh Tp;
- Cổng thông tin điện tử Tp;
- Lưu: HETD (PNV).

TM. HỘI ĐỒNG

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ

Trần Thị Thu Sương



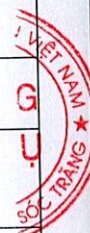
DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông báo số 01/TB-HĐ ngày 12/7/2021 của Hội đồng tuyển dụng công chức phường)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Ngạch đăng ký dự tuyển		Trình độ				Đối tượng Ưu tiên	Đối tượng miễn thi tin học	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngạch	Mã số	Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học			
I	Phường 1													
	Chức danh đăng ký tuyển dụng: Văn phòng- Thống kê (Chỉ tiêu tuyển dụng: 2)													
1	Phan Thị Hoàng Dung		06/03/1980	Kinh	23/14 Đề Thám, Phường 1, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Chính trị học	B	B	Người hoạt động KCT		
2	Nguyễn Hồng Linh	27/06/1990		Khmer	Ấp Tắc Gông, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B1	B	Dân tộc thiểu số		
3	Lâm Thị Ánh Loan		18/05/1993	Khmer	101 ấp Bung Cóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng Mỹ Tú	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A	Dân tộc thiểu số		
4	Đặng Hồng Yến		26/08/1989	Kinh	234 Trần Hưng Đạo, Ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A	Người hoạt động KCT		
	Chức danh đăng ký tuyển dụng: Địa chính - Xây dựng - đô thị và Môi trường (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)													
1	Huỳnh Thị Hồng Thủy		04/08/1993	Kinh	Số 241B-KV2, phường Ba Láng, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Kỹ sư quản lý tài nguyên và môi trường	B	A			
2	Tạ Anh Tú	26/7/1987		Kinh	45/5 Lê Lợi, ấp Châu Thành, thị trấn Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Kỹ sư quản lý đất đai	B	TC CNTT		Miễn thi phần thi tin học	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Ngạch đăng ký dự tuyển		Trình độ				Đối tượng Ưu tiên	Đối tượng miễn thi tin học	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngạch	Mã số	Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học			
II	Phường 2													
Chức danh đăng ký tuyển dụng: Văn phòng- Thống kê (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)														
1	Trần Thị Kim Cương		27/08/1991	Kinh	174/3 Trần Hưng Đạo Khóm 2, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	CC CNTT cơ bản	Người hoạt động KCT		
2	Nguyễn Tấn Hiệp	17/04/1991		Kinh	427/47 Trần Hưng Đạo Khóm 8, Phường 3, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	CD tiếng Anh	B			
3	Liêu Thị Thanh Hương		10/03/1987	Khmer	131 Dương Kỳ Hiệp Khóm 7, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	B	Dân tộc thiểu số		
4	Phan Thị Bích Liên		22/06/1990	Kinh	267/45 Trương Công Định Khóm 4, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A			
5	Lê Thị Tuyết Uyên Phương		16/09/1993	Kinh	424 Trần Hưng Đạo Khóm Tâm Trung, Phường 10, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	B			
6	Nguyễn Thị Cẩm Quyên		16/9/1991	Kinh	Ấp Nhơn Hòa, xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A			
Chức danh đăng ký tuyển dụng: Văn hóa- Xã hội (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)														
1	Nguyễn Thị Hồng Chi		26/05/1994	Kinh	Ấp Phước An A, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân tiếng việt và Văn hóa Việt Nam	B	B			
2	Huỳnh Khương Duy	01/09/1983		Hoa	488 Trần Hưng Đạo Khóm 2, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A	Dân tộc thiểu số		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Ngạch đăng ký dự tuyển		Trình độ				Đối tượng Ưu tiên	Đối tượng miễn thi tin học	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngạch	Mã số	Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học			
3	Diệp Bửu Phương Ngọc		19/03/1986	Kinh	543/13 Trần Hưng Đạo Khóm 8, Phường 3, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	ĐH sư phạm Ngữ Văn	B	A			
4	Kiểm Thị Ngọc Sang		14/12/1996	Khmer	468/2/4 Nguyễn Văn Linh, Khóm 2, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	CC CNTT nâng cao	Dân tộc thiểu số		
5	Nguyễn Thanh Liêm	10/04/1986		Kinh	Ấp Trà Côi B, Mỹ Hương, Mỹ Tý, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	B	Người hoạt động KCT		
III	Phường 4													
Chức danh đăng ký tuyển dụng: Tư pháp- Hộ tịch (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)														
1	Vô Thanh Hải	17/11/1988		Kinh	435 Tôn Đức Thắng Khóm 2, Phường 5, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A	Người hoạt động KCT		
2	Lâm Thị Hương		21/04/1982	Kinh	260A Đường 30/4, Khóm 1 Phường 3, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	B	Người hoạt động KCT		
3	Nguyễn Thị Nguyệt Lài		02/09/1998	Kinh	110 Ấp bảy Thưa, xã Tân Thành, TP Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	CC CNTT nâng cao			
4	Sơn Thị Bích Loan		27/09/1995	Khmer	Ấp B2, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	CC CNTT cơ bản	Dân tộc thiểu số		
5	Lưu Bảo Ngọc		10/10/1994	Hoa	069 ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	CC CNTT cơ bản	Dân tộc thiểu số		
6	Nguyễn Việt Phụng	16/04/1992		Kinh	80 Nguyễn Văn Linh Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A	Bội đội xuất ngũ		
7	Trần Minh Quang	15/08/1991		Hoa	66 LK25, đường D6, khu đô thị 5A, Khóm 4, Phường 4, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B2	CD lập trình máy tính	Dân tộc thiểu số	Miễn thi phần thi tin học	



STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Ngạch đăng ký dự tuyển		Trình độ				Đối tượng Ưu tiên	Đối tượng miễn thi tin học	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngạch	Mã số	Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học			
8	Đào Thị Việt Thùy		21/05/1997	Kinh	230 Huỳnh Văn Triệu, ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B1	A			
Chức danh đăng ký tuyển dụng: Địa chính - Xây dựng - đô thị và Môi trường (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)														
1	Đỗ Thành Nam Kháng	22/11/1994		Kinh	Ấp Phước Bình, xã Mỹ Thuận, Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Kỹ sư quản lý đất đai	B	B			
2	Huỳnh Trần Nhật Vy		23/08/1996	Kinh	Ô-1k 32, số 27, đường N17, khu đô thị 5A, Khóm 4, Phường 4, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Quản lý tài nguyên và Môi trường	B	B			
IV	Phường 5													
Chức danh đăng ký tuyển dụng: Văn hóa- Xã hội (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)														
1	Lê Thanh Điền	10/12/1982		Kinh	150/1 Tôn Đức Thắng Khóm 1, Phường 5, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	ĐH Hành chính	B	B	Người hoạt động KCT		
2	Nguyễn Thị Bạch Huệ		01/01/1987	Kinh	130 Dương Minh Quan, Khóm 8, Phường 3, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	B	Người hoạt động KCT		
3	Phan Thị Thanh Loan		08/03/1997	Khmer	468/2/4 Nguyễn Văn Linh, Khóm 2, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B1	CC CNTT cơ bản	Dân tộc thiểu số		
Chức danh đăng ký tuyển dụng: Văn phòng- Thống kê (Chỉ tiêu tuyển dụng: 1)														
1	Mai Thị Hiếm		28/02/1991	Kinh	63/48G kênh Xáng Khóm 4, Phường 8, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A	Người hoạt động KCT		
2	Liêu Thị Hà Thên		11/08/1987	Khmer	176A Chông chác Khóm 5, Phường 5, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	B	Dân tộc thiểu số		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Ngạch đăng ký dự tuyển		Trình độ				Đối tượng Ưu tiên	Đối tượng miễn thi tin học	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngạch	Mã số	Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học			
3	Lê Thị Cẩm Tú		16/05/1985	Kinh	38 Bà Triệu Khóm 1, Phường 8, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A	Người hoạt động KCT		
4	Bùi Hải Vân	09/10/1995		Kinh	135/10 Hùng Vương Khóm 1, Phường 6, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Triết học	B	B	Con thương binh		
V	Phường 6													
Chức danh đăng ký tuyển dụng: Văn phòng- Thống kê (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)														
1	Trần Thị Thùy Linh		10/11/1984	Kinh	17/10 Kênh 30/4 Khóm 6, Phường 6, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Quản lý Nhà nước	B	CC tin học Văn phòng	Con thương binh		
2	Nguyễn Quốc Tú	01/08/1994		Kinh	843/19 Phạm Hùng Phường 8, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A			
Chức danh đăng ký tuyển dụng: Tư pháp- Hộ tịch (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)														
1	Nguyễn Thị Kim Cương		01/01/1996	Kinh	Ấp Phước Bình, xã Mỹ Thuận, Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A			
2	Nguyễn Thị Hồng Hải		19/08/1991	Kinh	452/19B Tôn Đức Thắng, Khóm 2, Phường 5, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A	Người hoạt động KCT		
3	Từ Thu Lan		10/06/1975	Hoa	45 Sơn Đê, Khóm 4, Phường 6, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Đại học Hành chính	B	A	Dân tộc thiểu số		
4	Dương Thị Thanh Loan		07/03/1986	Kinh	10/32 Văn Ngọc Chính Khóm 5, Phường 3, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A	Người hoạt động KCT		
5	Nguyễn Thị Thu Xuyên		06/05/1993	Kinh	578/9 Lê Hồng Phong Khóm 5, Phường 3, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	C	B	Con thương binh		
VI	Phường 7													

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Ngạch đăng ký dự tuyển		Trình độ				Đối tượng Ưu tiên	Đối tượng miễn thi tin học	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngạch	Mã số	Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học			
	Chức danh đăng ký tuyển dụng: Địa chính - Xây dựng - đô thị và Môi trường (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)													
1	Nguyễn Thu Thùy Anh		22/11/1995	Kinh	288 Phạm Hùng, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường	B2	A			
2	Võ Trường Nhân	1985		Kinh	314A lê Hoàng Chu Khóm 2, Phường 7, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Quản lý tài nguyên và Môi trường	B	A	Bội đội xuất ngũ		
VII	Phường 8													
	Chức danh đăng ký tuyển dụng: Văn hóa- Xã hội (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)													
1	Hà Văn Còn	22/06/1989		Kinh	Áp Bình Danh A, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	B	Bội đội xuất ngũ		
2	Võ Thị Tiểu Hân		19/06/1998	Kinh	09 khóm Vĩnh Bình, Phường 3, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B1	CC CNTT cơ bản			
3	Mai Hoàng Duy Nghĩa	17/12/1993		Kinh	47 Lê Văn Tám, Phường 3, thành phố Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	ĐH hành chính	B	CC CNTT cơ bản			
4	Nguyễn Thanh Tùng	05/06/1991		Kinh	Số 1108 Quốc lộ 1, Khóm 3, Phường 10, Thành phố Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	A			
	Chức danh đăng ký tuyển dụng: Địa chính - Xây dựng - đô thị và Môi trường (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)													
1	Huỳnh Thanh Đông	09/02/1985		Kinh	217 Phạm Hùng Khóm 3, Phường 8. TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	A	Người hoạt động KCT		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Ngạch đăng ký dự tuyển		Trình độ				Đối tượng Ưu tiên	Đối tượng miễn thi tin học	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngạch	Mã số	Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học			
2	Vương Thị Tha		31/12/1987	Kinh	Ấp Sóc Dong, xã Tân Hưng, huyện Long Phú	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Kỹ sư khoa học môi trường	B	A			
VIII	Phường 9													
	Chức danh đăng ký tuyển dụng: Văn phòng- Thống kê (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)													
1	Nguyễn Bá Khang	02/09/1994		Kinh	202 Dương Minh Quan Phường 3, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Kỹ sư CNTT	B	Kỹ sư CNTT		Miễn thi phần thi tin học	
2	Lê Thị Mỹ Ngọc		25/09/1989	Kinh	177 Trần Bình Trọng, Khóm 1, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B1	CD lập trình máy tính	Người hoạt động KCT	Miễn thi phần thi tin học	
3	Nguyễn Chí Thanh	18/12/1992		Kinh	367/32 Nguyễn Văn Linh Khóm 2, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Cử nhân Luật	B	B	Bội đội xuất ngũ		
	Chức danh đăng ký tuyển dụng: Địa chính - Xây dựng - đô thị và Môi trường (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)													
1	Nguyễn Văn Chiến	16/07/1993		Khmer	07 Kinh mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Thạc sĩ Quản lý đất đai	B1	A	Dân tộc thiểu số		
2	Nguyễn Duy Khang	22/07/1995		Kinh	293/6 KV Yên Trung, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường	B2	A			
3	Kha Minh Thành	28/11/1992		Hoa	98/27 Trần Hưng Đạo, Khóm 2, Phường 2, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Kỹ sư xây dựng và công nghiệp	B	B	Dân tộc thiểu số		
IX	Phường 10													

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Ngạch đăng ký dự tuyển		Trình độ				Đối tượng Ưu tiên	Đối tượng miễn thi tin học	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngạch	Mã số	Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học			
	Chức danh đăng ký tuyển dụng: Địa chính - Xây dựng - đô thị và Môi trường (Chỉ tiêu tuyển dụng: 01)													
1	Phạm Thanh Hoa		18/11/1997	Khmer	103 Ấp Đại Nghĩa Thắng, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Kỹ sư Môi trường	B1	A	Dân tộc thiểu số		
2	Lê Thị Yến Nhi		30/04/1989	Kinh	962/46 Quốc lộ 1, Khóm 3, Phường 10, TP Sóc Trăng	Chuyên viên	01.003	TNTHPT	Kỹ sư Quản lý đất đai	B	A			



TAM S

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI KIẾN THỨC CHUNG (VÒNG 1) VÀ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2) KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC PHƯỜNG NĂM 2020



(Ban hành kèm theo Thông báo số 01./TB-HĐ ngày 13.../7/2021 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2020)

PHẦN I. MÔN KIẾN THỨC CHUNG

1. Chương I, Chương II và Chương V Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;
2. (Điều 1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và luật viên chức ngày 25/11/2019;
3. Chương I; Mục 4, Chương 3, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
4. Điều 2 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
5. Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
6. Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
7. Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;
8. Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
9. Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới;
10. Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước;
11. Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án văn hóa công vụ;
12. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý, kỷ luật cán bộ, công chức viên chức;
13. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

PHẦN II. TIN HỌC

Nội dung câu hỏi thuộc các lĩnh vực: Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản; sử dụng máy tính cơ bản; sử lý văn bản cơ bản; sử dụng bảng tính cơ bản; Sử dụng trình chiếu cơ bản; sử dụng internet cơ bản. Word, Excel, Powerpoint thuộc Office 2010.

Câu 1. Trong máy vi tính, bộ xử lí trung tâm (CPU) là:

- A. Nơi nhập thông tin cho máy
- B. Nơi xử lí, quyết định, điều khiển hoạt động của máy
- C. Nơi thông báo kết quả cho người sử dụng
- D. Nơi lưu trữ dữ liệu

Câu 2. Các loại: Thẻ nhớ (USB flash), đĩa cứng, CD-ROM, DVD-ROM là:

- A. Thiết bị lưu trữ thông tin
- B. Thiết bị xuất thông tin
- C. Thiết bị nhập thông tin
- D. Thiết bị xử lí thông tin

Câu 3. Thiết bị dùng để lưu trữ tạm thời trong lúc làm việc với máy tính là:

- A. Máy in
- B. Bộ nhớ RAM
- C. Bộ nhớ ROM
- D. Đĩa CD-ROM

Câu 4. Trong máy vi tính, thiết bị nào là thiết bị xuất?

- A. Màn hình, bàn phím, chuột
- B. Máy quét, chuột, máy in
- C. Loa, bàn phím, tai nghe
- D. Máy in, loa, màn hình

Câu 5. Trình tự xử lý thông tin trong máy vi tính là:

- A. CPU -> Đĩa cứng -> Màn hình
- B. Nhận thông tin -> xử lý thông tin -> xuất thông tin
- C. Bàn phím -> CPU -> Màn hình
- D. Bàn phím -> Màn hình -> Máy in

Câu 6. Trong Microsoft Windows, khi làm việc với Windows Explorer, để đánh dấu chọn tất cả các đối tượng trong cửa sổ Folder hiện tại, ta nhấn phím hoặc tổ hợp phím nào sau đây?

- A. F8
- B. F7
- C. Ctrl + A
- D. Shift + A

- 1

D. Insert/ Select

Câu 3. Trong MicroSoft Word 2010, muốn quay lại thao tác / lệnh vừa thực hiện ta bấm tổ hợp phím

A. Ctrl + Z

B. Ctrl + X

C. Ctrl + V

D. Ctrl + Y

Câu 4. Trong MicroSoft Word 2010, tổ hợp phím Ctrl + V được dùng để

A. Cắt một đoạn văn bản

B. Dán một đoạn văn bản từ Clipboard

C. Sao chép một đoạn văn bản

D. Cắt và sao chép một đoạn văn bản

Câu 5. Trong MicroSoft Word 2010, để sao chép một đoạn văn bản vào Clipboard, ta đánh dấu đoạn văn bản đó rồi:

A. Chọn Edit/ Copy

B. Bấm tổ hợp Ctrl + C

C. A và B đều đúng

D. A và B đều sai

Câu 6. Trong MicroSoft Word 2010, thuộc tính định dạng ký tự cơ bản gồm có:

A. Phong chữ

B. Kiểu chữ

C. Cỡ chữ và màu sắc

D. Cả 3 ý trên

Câu 7. Trong MicroSoft Word 2010, muốn mở một file văn bản đã có sẵn, ta dùng lệnh:

A. File/ New

B. View/ Open

C. File/ Open

D. Edit/ Open

Câu 8. Trong MicroSoft Word 2010, muốn trình bày văn bản theo khổ giấy ngang trong cửa sổ Page Setup ta chọn mục:

A. Portrait



B. Right

C. Left

D. Landscape

Câu 9. Trong MicroSoft Word 2010, khi soạn thảo văn bản, nếu kết thúc 1 đoạn và muốn sang 1 đoạn mới:

A. Nhấn Ctrl + Enter

B. Nhấn Enter

C. Nhấn Shift + Enter

D. Không cần nhấn

Câu 10. Trong MicroSoft Word 2010, tổ hợp phím Ctrl + Shift + = có chức năng gì?

A. Bật hoặc tắt gạch dưới nét đôi

B. Bật hoặc tắt chỉ số trên

C. Bật hoặc tắt chỉ số dưới

D. Trả về dạng mặc định

Câu 11: Trong MicroSoft Word 2010, khi đặt con trỏ vào ô bên phải cuối Table, để chèn thêm 1 dòng mới nằm cuối Table ta bấm phím:

A. Shift

B. Tab

C. Enter

D. Ctrl

Câu 12. Thao tác Shift + Enter có chức năng gì?

A. Xuống hàng chưa kết thúc Paragraph

B. Xuống một trang màn hình

C. Nhập dữ liệu theo hàng dọc

D. Tất cả đều sai.

Câu 13. Trong MicroSoft Word 2010, để canh phải văn bản ta sử dụng tổ hợp phím:

A. Ctrl + L

B. Ctrl + R

C. Ctrl + E

D. Ctrl + J

Câu 14: Trong MicroSoft Word 2010, các công cụ định dạng trong văn bản như: Font, paragraph, copy, paste, Bullets and numbering..... nằm ở thẻ nào?

A. Home

B. Insert

C. Page Layout

D. References

Câu 15. Trong MicroSoft Word 2010, để giảm cỡ chữ, ta sử dụng tổ hợp phím

A. Shift +]

B. Shift + [

C. Ctrl + [

D. Ctrl +]

Câu 16. Trong MS Word 2010, để bật/tắt hiển thị thanh thước kẻ trên của sổ soạn thảo, ta thực hiện:

A. View\ Ruler

B. View\ Outline

C. View\ Show\ đánh dấu/bỏ đánh dấu vào mục Ruler

D. Thẻ Insert\ đánh dấu vào mục Ruler

Câu 17. Khi soạn thảo để gõ được tiếng việt chọn bộ gõ theo chuẩn UNICODE, kiểu gõ là telex thì sử dụng font:

A. ABC

B. VNITimes

C. Time New Roman

D. VnTimes

Câu 18. Trong MicroSoft Word 2010, sau khi nhập nội dung vào các ô trong bảng, chúng ta có thể:

A. Sao chép nội dung từ ô này sang ô khác

B. Cắt và dán nội dung từ cột này sang cột khác.

C. Cắt và dán nội dung từ dòng này sang dòng khác.

D. Làm được cả 3 thao tác trên

Câu 19. Trong MicroSoft Word 2010, để tạo một trang văn bản mới ta sử dụng:

A. Tổ hợp phím Ctrl + N

B. Tổ hợp phím Ctrl + H

C. Tổ hợp phím Ctrl + S

D. Tổ hợp phím Ctrl + F

Câu 20. Trong MicroSoft Word 2010, để chèn header hoặc footer trên trang văn bản, ta thực hiện:

A. View \ Header and Footer

B. Thẻ Insert \ Header and Footer \ nhấn nút Header hoặc Footer

C. Insert \ Header and Footer

D. Format \ Header and Footer

Câu 21. Trong MicroSoft Word 2010, để lưu một tài liệu, ta thực hiện:

A. Ctrl + S

B. Alt + S

C. Shift + S

D. Cả ba cách đều đúng

Câu 22. Muốn canh đều một đoạn văn bản ta chọn tổ hợp phím?

A. Ctrl + F

B. Alt + J

C. Alt + F

D. Ctrl + J

Câu 23. Trong MicroSoft Word 2010, muốn lưu file hiện hành với một tên khác ta thực hiện:

A. File/ Save

B. File/ Save As

C. Chọn biểu tượng hình đĩa mềm

D. Nhấn Ctrl + S

Câu 24. Trong MicroSoft Word 2010, để in từ trang 2 đến trang 10, ta thực hiện:

A. File/ Print chọn Pages nhập 2-10

B. File/ Print chọn Pages nhập 2

C. File/ Print chọn Pages nhập 10

D. File/ Print chọn Pages nhập 8

Câu 25. Trong một văn bản, để tìm kiếm cụm từ “Hải Phòng” và thay thế bằng cụm từ “Ngô Quyền”, ta thực hiện bằng cách:

A. Nhấn Ctrl + H

B. Chọn Home/ Replace

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 26. Để tạo nhanh một văn bản mẫu sử dụng cho lần sau, bạn sử dụng chức năng nào của MicroSoft Word 2010?

- A. AutoCorrect
- B. AutoText
- C. AutoStyle
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 27. Để chèn hình ảnh vào văn bản, ta thực hiện:

- A. Insert/ AutoText
- B. Insert/ Pictures
- C. Insert/ Textbox
- D. Insert/ Object

Câu 28. Phát biểu nào sai khi nói về chức năng Mail Merge trong MicroSoft Word 2010?

- A. Phải có hai tệp tin: tệp tin dữ liệu và tệp tin chính.
- B. Tệp tin dữ liệu có thể được tạo bằng MicroSoft Word 2010 hoặc MicroSoft MicroSoft Excel 2010 2010.
- C. Mail Merge có thể gửi và nhận thư điện tử giống Gmail.
- D. Mail Merge thường được sử dụng để tạo thư mời hay phiếu báo điểm...

Câu 29. Muốn định dạng trang văn bản ta sử dụng thao tác nào?

- A. Layout/Page setup
- B. Design/Page setup
- C. Insert/Page setup
- D. Home/Page setup

Câu 30. Trong MicroSoft Word 2010 muốn chia văn bản làm nhiều cột ta chọn?

- A. Home/Columns
- B. Insert/Columns
- C. Design/Columns
- D. Layout/Columns

EXCEL

Câu 1. Trong MicroSoft Excel 2010, tại Ô D10 nếu ta nhập chữ “Tin Học” thì kết quả sẽ ở vị trí nào trong ô?

- A. Bên phải
- B. Bên trái

C. Giữa

D. Không biết trước

Câu 2. Trong MicroSoft Excel 2010, tại ô D10, nếu ta nhập như sau 01ABC thì kết quả sẽ ở vị trí nào trong ô?

A. Bên phải

B. Bên trái

C. Giữa

D. Không biết trước

Câu 3. Trong MicroSoft Excel 2010, tại ô D10, nếu ta nhập như sau 100500 thì kết quả sẽ ở vị trí nào trong ô?

A. Bên phải

B. Bên trái

C. Giữa

D. Không biết trước

Câu 4. Trong MicroSoft Excel 2010, có thể sao chép khối vùng bằng cách sử dụng lần lượt các tổ hợp phím?

A. Ctrl + C, Ctrl + V

B. Alt + C, Alt + V

C. Ctrl + X, Ctrl + V

D. Ctrl + V, Ctrl + C

Câu 5. Trong MicroSoft Excel 2010, ô A2 có giá trị 10, ô B2 có giá trị 20, ô C2 nhập công thức =A2+B2, kết quả ở C2 là?

A. 10

B. 20

C. Xuất hiện nội dung +A2+B2 trong ô

D. 30

Câu 6. Trong MicroSoft Excel 2010, tại ô D2 có công thức =B\$2+C2, thực hiện sao chép công thức sang ô D3. Công thức tại ô D3 sẽ là?

A. =B\$3+C2

B. =B\$2+C3

C. =B\$3+C3

D. =B\$2+D2

Câu 7. Trong MicroSoft Excel 2010, ô A2 có giá trị TRUE, ô B2 có giá trị FALSE, ô C2 nhập công thức =A2>B2, kết quả ở C2 là?

A. 1

B. 0

C. FALSE

D. TRUE

Câu 8. Trong MicroSoft Excel 2010, ô A1 chứa số 7, ô B1 chứa giá trị chuỗi "ABC". Hàm =AND(A1>6,B1="ABC") cho kết quả là:

A. TRUE

B. FALSE

C. 6

D. ABC

Câu 9. Khi gõ công thức xong rồi nhấn Enter, máy hiện ra #N/A có nghĩa là:

A. Tham chiếu ô không hợp lệ

B. Giá trị tham chiếu không tồn tại

C. Không tham chiếu đến được

D. Tập hợp rỗng

Câu 10. Trong bảng tính MicroSoft Excel 2010, (<Địa chỉ cột>\$<Địa chỉ dòng>) - A\$1 là địa chỉ gì?

- A. Địa chỉ tương đối
- B. Địa chỉ tuyệt đối
- C. Địa chỉ tương đối dòng tuyệt đối cột
- D. Địa chỉ tuyệt đối dòng tương đối cột

Câu 11. Trong MicroSoft Excel 2010, hàm tính giá trị lớn nhất trong các ô thuộc khối ô C12:C15 là:

- A. Max C12:C15
- B. Max(C12:C15)
- C. Max(C12,C15)
- D. Max(C12;C15)

Câu 12. Trong MicroSoft Excel 2010, để xuống dòng trong một ô, ta sử dụng tổ hợp phím:

- A. Alt + Enter
- B. Spacebar + Enter
- C. Shift + Enter
- D. Ctrl + Enter

Câu 13. Trong MicroSoft Excel 2010, để mở menu File, ta sử dụng tổ hợp phím:

- A. Ctrl + O
- B. Ctrl + F
- C. Alt + F
- D. Alt + O

Câu 14. Trong MicroSoft Excel 2010, để bật tắt thanh công thức, ta dùng lệnh:

- A. View/ Formular bar
- B. View/ Toolbars
- C. View/ Status bar
- D. View/ Ruler

Câu 15. Trong MicroSoft Excel 2010, công thức =MOD(26,7) cho kết quả nào sau đây?

- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 16. Trong MicroSoft Excel 2010, hàm LEFT nào sau đây là đúng?

- A. LEFT(text, n)
- B. LEFT(Number1, Number2..)
- C. LEFT(text)
- D. LEFT(n,text)

Câu 17. Trong bảng tính MicroSoft Excel 2010, để giữ cố định hàng hoặc cột trong soạn thảo, ta đánh dấu hàng hoặc cột, chọn:

- A. Thẻ Review\Freeze Panes
- B. Thẻ View\Freeze Panes

C. The Page Layout\Freeze Panes

D. The Home\Freeze Panes

Câu 18. Trong MicroSoft Excel 2010, trong một ô nhập ‘1 có nghĩa là?

- A. Số 1 B. Chuỗi 1
C. Kết quả sẽ ở vị trí giữa ô D. Kết quả sẽ ở vị trí phải của ô

Câu 19. Trong MicroSoft Excel 2010, Ô A2 có giá trị TRUE , ô B2 có giá trị FALSE, ô C2 có công thức A2&B2. Kết quả tại C2 là?

- [illegible]

Câu 20. Trong MicroSoft Excel 2010, Ô D3 chứa MỨC LƯƠNG, ô E3 chứa SỐ NGÀY. Chọn công thức tính TẠM ỨNG LƯƠNG ở F3, biết được tạm ứng 65% của Lương chính (Lương chính = Mức lương * Số ngày):

- A. =65/100(D3*E3) B. =100/65*(D3*E3)
C. =65%*(D3*E3) D. =65%(D3*E3)

Câu 21. Trong MicroSoft Excel 2010, hàm nào cho phép tính tổng các giá trị kiểu số thỏa mãn một điều kiện cho trước?

- A. COUNTIF B. SUMIF
C. COUNTIF D. SUM

Câu 22. Trong MicroSoft Excel 2010, công thức = LOWER(“tin HỌC”) cho kết quả nào sau đây?

- A. tin HỌC B. tin học
C. Tin Hoc D. TIN HỌC

Câu 23. Trong MicroSoft Excel 2010, công thức =RIGHT("PMTH",2) cho kết quả nào sau đây?

- A. PMTH B. PM
C. TH D. MTH

Câu 24. Trong MicroSoft Excel 2010, hàm nào sau đây được dùng để tìm giá trị lớn nhất trong các ô hoặc vùng được chọn?

- A. MIN
B. SUM
C. AVERAGE
D. MAX

Câu 25. Trong MicroSoft Excel 2010, Ô D3 có giá trị số là 6.5. Ô E3 có công thức: =IF(D3>8,“GIOI”,IF(D3>6.5,“KHA”,IF(D3>5,“TB”,“YEU”))). Kết quả là:

A. GIOI

B. KHA

C. TB

D. YEU

Câu 26. Trong bảng tính MicroSoft Excel 2010, để cắt được từ “an” trong từ “Hanoi” biểu thức nào sau đây là đúng?

A. =Mid(“Hanoi”,2,2)

B. =Mid(“Hanoi”,3,2)

C. =Right(Left(“hanoi”,3),2)

D. =Left(Right(“hanoi”,4),2)

Câu 27. Trong bảng tính MicroSoft Excel 2010, tại ô A2 có giá trị số 25; Tại ô B2 gõ vào công thức =SQRT(A2) thì nhận được kết quả:

A. 0

B. 5

C. #VALUE!

D. #NAME!

Câu 28: Trong bảng tính MicroSoft Excel 2010, hàm Today() trả về:

A. Số ngày trong tháng

B. Số tháng trong năm

C. Ngày hiện hành của hệ thống

D. Số giờ trong ngày

Câu 29: Trong bảng tính MicroSoft Excel 2010, các dạng địa chỉ sau đây, địa chỉ nào là địa chỉ tuyệt đối:

A. B\$1:\$10\$D

B. B\$1

C. \$B1:\$D10

D. \$B\$1:\$D\$10

Câu 30: Trong bảng tính MicroSoft Excel 2010, hàm nào dùng để dò tìm và tham chiếu:

A. VLOOKUP

B. IF

C. LEFT

D. SUM

INTERNET

Câu 1. Để kết nối các máy tính trong một hệ thống thành một mạng, người ta thường sử dụng thiết bị nào sau đây?

A. ADSL router

B. USB 3G/4G/5G

C. Switch

D. Access point

Câu 2. Trong mạng máy tính, thuật ngữ “Share” có ý nghĩa gì?

A. Chia sẻ tài nguyên

B. Thiết bị kết nối mạng

C. Thực hiện lệnh in trong mạng cục bộ D. Phần mềm hỗ trợ sử dụng mạng

Câu 3. Trong một địa chỉ Email, kí tự nào sau đây là kí tự bắt buộc?

- A. “=” (kí tự dấu bằng) B. “:” (kí tự dấu hai chấm)
C. “_” (kí tự gạch ngang dưới) D. “@” (kí tự @)

Câu 4. Một website có địa chỉ “...edu.vn” thì website đó thường thuộc về lĩnh vực nào sau đây?

- A. Lĩnh vực chính phủ ở nước Việt Nam
B. Lĩnh vực giáo dục ở nước Việt Nam
C. Lĩnh vực giáo dục ở nước Ecuador
D. Lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam

Câu 5. Giao thức nào dưới đây được sử dụng phổ biến trong mạng internet?

- A. NETBIOS B. IPX
C. HTTP D. TCP/IP

Câu 6. Phát biểu nào sau đây đúng về Mạng máy tính?

- A. Các máy tính kết nối với nhau qua hệ thống cáp để trao đổi thông tin
B. Các máy tính trao đổi thông tin với nhau theo tập giao thức mạng
C. Các máy tính kết nối qua môi trường truyền tin và trao đổi thông tin theo một kiến trúc mạng xác định
D. Các máy tính kết nối với nhau chia sẻ nguồn thông tin chung

Câu 7. Điều nào sau đây là lợi thế của thư điện tử so với thư tín gửi qua đường bưu điện:

- A. Có thể chuyển được lượng văn bản lớn hơn nhớ chức năng gắn kèm.
B. Thư điện tử luôn có độ an toàn dữ liệu cao hơn.
C. Tốc độ chuyển thư nhanh.
D. Thư điện tử luôn luôn được phân phát.

Câu 8. Phần History trong mạng Internet dùng để:

- A. Liệt kê các trang web đã dùng trong quá khứ.
C. Liệt kê tên các trang web.
B. Liệt kê các địa chỉ email đã dùng.
D. Liệt kê số người đã sử dụng mạng Internet.

Câu 9. Trong mạng máy tính, thuật ngữ LAN có ý nghĩa gì?

Đ. X. H.
HỒ
ỘI
NG -

- A. Mạng cục bộ
- B. Mạng diện rộng
- C. Mạng toàn cầu
- D. Mạng không dây

Câu 10. Download có nghĩa là:

- A. Đang tải
- B. Không tải
- C. Trục tuyến
- D. Tải file dữ liệu

Câu 11. Trong trình duyệt Internet Explorer, để lưu một bức ảnh về máy tính, ta làm như sau:

- A. Nhấn chuột phải vào ảnh, chọn Save Picture As
- B. Kích đúp vào ảnh rồi chọn Download
- C. Chọn Tools/ Save Picture As
- D. Hai cách A và C đều đúng

Câu 12. Việc tải file dữ liệu từ internet bị chậm là do:

- A. File có dung lượng lớn
- B. Đường truyền internet tốc độ thấp.
- C. Server cung cấp dịch vụ internet bị quá tải
- D. Tất cả đều đúng

Câu 13. Để lưu lại địa chỉ web ưa thích, sử dụng tính năng nào của Internet Explorer?

- A. Favorites/ Add Favorites
- B. File/ Save
- C. Tool/ Manage Addon
- D. Tất cả đều sai.

Câu 14. Trong Internet Explorer, để hiện/ ẩn các nút công cụ chuẩn, ta thực hiện lệnh:

- A. View/Toolbars/Standard Buttons
- B. View/Options/Standard Buttons
- C. View/Default

D. View/ All Toolbar

Câu 15. Ưu điểm của hệ thống thư điện tử là:

- A. Có thể gửi cho nhiều người cùng lúc, tiết kiệm thời gian và chi phí.
- B. Độ bảo mật cao, có thể nhận thư điện tử mà không cần kết nối internet.
- C. Không bị thất lạc, có thể gửi kèm nhiều loại tài liệu với dung lượng không hạn chế
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 16. Khi kết nối thành một mạng máy tính cục bộ và các thiết bị, thiết bị nào sau đây có thể được chia sẻ để dùng chung:

- A. Máy in.
- B. Micro.
- C. Webcam.
- D. Đĩa mềm.

Câu 17. Các máy tính kết nối thành mạng máy tính nhằm mục tiêu:

- A. Tăng tính bảo mật của thông tin trong máy.
- C. Hạn chế virus.
- B. Giảm khả năng chia sẻ dữ liệu.
- D. Cả 3 câu trên đều sai.

Câu 18. Website là gì?

- A. Là một ngôn ngữ siêu văn bản.
- B. Là hình thức trao đổi thông tin dưới dạng thư thông qua hệ thống mạng máy tính.
- C. Là các file đã được tạo ra bởi MicroSoft Word 2010, MicroSoft MicroSoft Excel 2010 2010, PowerPoint... rồi chuyển sang dạng html.
- D. Tất cả các câu đều sai.

Câu 19. Phát biểu nào dưới đây là sai:

- A. Mở nhiều cửa sổ duyệt web cho nhiều địa chỉ web khác nhau.
- B. Vừa mở cửa sổ duyệt web, vừa chơi game trong lúc chờ trang web xuất hiện đầy đủ nội dung
- C. Nhấn nút F5 là để bắt đầu lại quá trình tải trang web từ máy phục vụ về máy cá nhân.
- D. Nhấn nút Back để đóng cửa sổ trình duyệt.

Câu 20. Thứ tự kết nối Internet theo đường quay số nào là đúng:

- A. Máy tính – Điện thoại – Modem – ISP (Internet Service Provider)
- B. Máy tính – Modem – Điện thoại – ISP
- C. Máy tính – ISP – Điện thoại – Modem
- D. Cả 3 câu trên đều sai.

POWERPOINT

Câu 1. Trong Microsoft PowerPoint 2010, tổ hợp phím Ctrl+N dùng để:

- A. Mở Presentation đã có
- B. Đóng Presentation
- C. Tạo 1 Presentation mới
- D. Lưu trữ Presentation hiện hành

Câu 2. Trong Microsoft PowerPoint 2010, chức năng Animations\Timing\Delay dùng để:

- A. Thiết lập thời gian chờ trước khi slide được trình chiếu
- B. Thiết lập thời gian chờ trước khi hiệu ứng bắt đầu
- C. Thiết lập thời gian hoạt động cho tất cả các hiệu ứng
- D. Tất cả đều đúng

Câu 3. Trong Microsoft PowerPoint 2010, để tạo mới 1 Slide ta sử dụng ?

- A. Home\Slides\New Slide
- B. Insert\New Slide
- C. Design\New Slide
- D. View\New Slide

Câu 4. Trong Microsoft PowerPoint 2010, muốn vẽ hình khối vào Slide ta dùng lệnh nào sau đây?

- A. Insert\Shapes
- B. Home\Shapes
- C. Design\Shapes
- D. View\Shapes

Câu 5. Trong Microsoft PowerPoint 2010, khi thiết kế các Slide, sử dụng Home\New Slide có ý nghĩa gì ?

- A. Chèn thêm một slide mới vào ngay trước slide hiện hành
- B. Chèn thêm một slide mới vào ngay sau slide hiện hành
- C. Chèn thêm một slide mới vào ngay trước slide đầu tiên
- D. Chèn thêm một slide mới vào ngay sau slide cuối cùng

Câu 6. Trong Microsoft PowerPoint 2010, để trình chiếu một Slide hiện hành ta thực hiện:

- A. Nhấn tổ hợp phím Shift+F5
- B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl+Shift+F5
- C. Nhấn phím F6
- D. Nhấn phím F5

Câu 7. Trong Microsoft PowerPoint 2010, để hủy bỏ thao tác vừa thực hiện ta nhấn tổ hợp phím:

- A. Ctrl + X
- B. Ctrl + Z
- C. Ctrl + C
- D. Ctrl + V

Câu 8. Trong Microsoft PowerPoint 2010, để tạo một slide giống hệt như slide hiện hành mà không phải thiết kế lại, thực hiện lệnh:

- A. Insert\Duplicate
- B. Insert\New Slide
- C. Insert\New Slide\Duplicate Selected Slides
- D. Không thực hiện được

Câu 9. Trong Microsoft PowerPoint 2010, muốn đánh số cho từng Slide, ta dùng lệnh nào sau đây:

- A. Insert\Slide Number
- B. Insert\Bullet and Numbering
- C. Insert\New Slide
- D. Edit\Slide Number

Câu 10. Trong Microsoft PowerPoint 2010, muốn chèn một công thức toán học vào Slide, ta dùng lệnh nào sau đây?



- A. Insert\Component
- B. Insert\Equation
- C. Insert\Diagram
- D. Insert\Object

X.H.C
HÒN
ĐI V
G-T

VÒNG 2**KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH****I. CHỨC DANH VĂN PHÒNG - THỐNG KÊ**

1. Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Điều 3, 4, 5, 6, 11 và 14,)
2. Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (Chương I, II, III, IV)
3. Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP (Chương II, Điều 12, 13, Chương III)
4. Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ
5. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.
6. Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng
7. Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;
8. Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
11. Mục 1, Mục 2, Chương II; Mục 1, Mục 2, Mục 3, Chương III, Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.



II. CHỨC DANH TƯ PHÁP - HỘ TỊCH

1. Các Điều 20, 26, 30, 36, 47, 52, 125 Bộ Luật dân sự năm 2015;
2. Chương I (từ Điều 4 đến Điều 12); Chương II, Mục 1, Chương V, Chương VI (gồm Điều 70, Điều 71 và Mục 2) Luật Hộ tịch;
3. Các Điều 8, 11, 88, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
4. Từ Điều 8 đến Điều 13, Chương I; Chương II Luật Nuôi con nuôi năm 2010;
5. Chương I, Chương III, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
6. Từ Điều 2 đến Điều 10, Điều 14, Chương I; Chương II (trừ Mục 4 Người dịch, chứng thực chữ ký người dịch); Chương III Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
7. Điều 1, Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi;
8. Chương I và Chương II, Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.
9. Từ Điều 5 đến Điều 9, Chương I; Chương II; Chương III; Chương V Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
10. Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. CHỨC DANH VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Điều 7, Điều 8 Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012;
2. Từ Điều 9 đến Điều 58 Luật Du lịch ngày 19/6/2017.
3. Điều 5 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007.
4. Điều 4, Điều 5, Điều 7 Nghị định 122/2018/NĐ-CP, ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.
5. Điều 3, Điều 5 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP, ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
6. Điều 50, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.
7. Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.
8. Chương II, Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
9. Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐ-TBXH hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân;
10. Chương I, Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ưu đãi người có công với cách mạng.
11. Chương I, Chương IV Luật Trẻ em năm 2016;
12. Chương II, Chương VIII Luật Người Khuyết tật năm 2010;



VI. CHỨC DANH ĐỊA CHÍNH - XÂY DỰNG - ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

2. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

3. Chương I (Điều 3, 4, 5), Chương II (Điều 8) Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

4. Chương I, Luật Xây dựng năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng năm 2020;

5. Chương VI, Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

6. Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh về quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

7. Chương I, Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 và được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều năm 2020.

8. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014

- Chương I. Những quy định chung (*Khoản 21 Điều 3 được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018*)

- Chương VIII. Bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư

- Chương XIV. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: học hết, tuy nhiên một số nội dung đã được sửa đổi như sau:

+ *Khoản 10 Điều 141 được sửa đổi bởi Khoản 13 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018*

+ *Điểm a Khoản 3 Điều 142 được sửa đổi bởi Khoản 14 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018*

+ *Điểm đ Khoản 1 Điều 143 được sửa đổi bởi Khoản 15 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018*

- Chương XV. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường



9. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường

- Chương IV. Đánh giá tác động môi trường

+ Điều 12. Thực hiện đánh giá tác động môi trường (*Điều này được bổ sung bởi Điểm a Khoản 4 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP*) (*Các Khoản 4;5;6 trong điều này được sửa đổi bởi Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP*).

- Chương V. Kế hoạch Bảo vệ môi trường

+ Điều 18. Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (*Điều này được sửa đổi bởi Khoản 11 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP*)

+ Điều 19. Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (*Điều này được sửa đổi bởi Khoản 12 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP*).

10. Khoản 1, Điều 2, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường.

11. Chương I, Chương II, Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021

12. Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác Bảo vệ môi trường

13. Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Điều 4 Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường đối với cấp xã)